

Số: 37/QĐ-STP

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Khánh Hòa

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ về Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc quy định phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 1817/1998/QĐ-UB ngày 04/7/1998 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Trung tâm Trợ giúp pháp lý của Nhà nước tỉnh Khánh Hòa, trực thuộc Sở Tư pháp;

Theo đề nghị của Chánh văn phòng và Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh tại Công văn số 70/TGPL ngày 29/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Khánh Hòa quy định tại Quyết định này được sử dụng làm căn cứ lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê cơ sở hoạt động sự nghiệp; quản lý, sử dụng cơ sở hoạt động sự nghiệp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh và các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (VBĐT);
- Sở Tài chính (VBĐT);
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Trang TTĐT Sở Tư pháp (VBĐT);
- TT GPL nhà nước tỉnh (VBĐT);
- Lưu: VT, VP (VA).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lương Hùng Minh

3	Phòng bảo vệ (có yêu cầu trực đêm)	01	12	12	Áp dụng tại mục 7.9.8.1
4	Phòng lưu trữ hồ sơ	01	10	10	Áp dụng tại mục 7.8.7.1
5	Phòng vệ sinh nam	01	3	3	Áp dụng tại mục 7.9.14
	Phòng vệ sinh nữ	01	3	3	Áp dụng tại mục 7.9.14
6	Nhà để xe mô tô, xe máy (bao gồm viên chức làm việc và người lao động)	19	3	54,15	Áp dụng tại mục 7.9.14 (lấy 95% theo quy định)
Tổng diện tích (m ²)				160,15	
Diện tích tính bằng 50% tổng diện tích làm việc của các chức danh (m²): 155 x 50% = 77,5 (m²)				77,5	Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ

Tổng diện tích nhu cầu sử dụng của Trung tâm tính theo định mức là **232,5 m²** (Gồm: Diện tích làm việc của các chức danh + Diện tích sử dụng chung; chưa bao gồm diện tích cầu thang bộ, thang máy; diện tích chiếm chỗ của tường, cột, hộp kỹ thuật)./.